TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 18/2024/HNGĐ-PT
Ngày 06-8-2024
V/v chia tài sản sau khi ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Nguyễn Xuân Tuyến

Các Thẩm phán: Ông Bùi Duy Thạch

Bà Bùi Thị Thúy Hà

- Thư ký phiên toà: Bà Trần Thị Thu Huệ - Thư ký của Toà án nhân dân thành phố Hải Phòng.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Hải Phòng tham gia phiên tòa: Bà Vũ Thị Trang Nhung - Kiểm sát viên.

Ngày 06 tháng 8 năm 2024, tại trụ sở Toà án nhân dân thành phố Hải Phòng xét xử phúc thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 15/2024/TLPT-HNGĐ ngày 18 tháng 6 năm 2024 về việc "Chia tài sản sau khi ly hôn".

Do Bản án hôn nhân và gia đình sơ thẩm số 37/2024/HNGĐ-ST ngày 24 tháng 4 năm 2024 của Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Bảo, thành phố Hải Phòng bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 17/2024/QĐ-PT ngày 26 tháng 7 năm 2024, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Đỗ Thị B; nơi cư trú: Thôn B, xã V, huyện V, thành phố Hải Phòng; có mặt.

- *Bị đơn:* Ông Nguyễn Văn T; nơi cư trú: Thôn B, xã V, huyện V, thành phố Hải Phòng; có mặt.

ả

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1. Trung tâm phát triển quỹ đất huyện V, thành phố Hải Phòng - Người đại diện theo pháp luật: Ông Phạm Ngọc H - chức vụ: Giám đốc; có mặt.

2. Vợ chồng anh Nguyễn Văn Q và chị Nguyễn Thị C; địa chỉ: Thôn B, xã V, huyện V, thành phố Hải Phòng; đều vắng mặt (có đơn xin xét xử vắng mặt).

- *Người kháng cáo*: Ông Nguyễn Văn T là bị đơn.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và các lời khai tại Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Bảo, nguyên đơn bà Đỗ Thị B trình bày:

Bà B và ông Nguyễn Văn T đã ly hôn theo Quyết định công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự số 102/2020/QĐST-HNGĐ ngày 02-6-2020 của Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Bảo. Theo Quyết định, bà B và ông T tự thỏa thuận về tài sản chung. Sau khi ly hôn, bà B và ông T vẫn chung sống trong cùng ngôi nhà xây dựng trên phần diện tích đất do bà B và ông T mua của em chồng ông T là bà Nguyễn Thị C1 ngày 18-01-1996 (có giấy chuyển nhượng viết tay). Năm 2022, phần diện tích đất và ngôi nhà của ông T và bà B nằm trong phần thu hồi của Dự án đầu tư xây dựng tuyến đường nối từ cầu L, xã L, huyện V đến đường bộ ven biển tại xã V, huyện V và bà B, ông T được bồi thường về đất và tài sản trên đất. Phần tiền bồi thường về tài sản trên đất bà B và ông T đã nhận và đã tự thỏa thuận với nhau. Về tiền bồi thường về đất là 646.848.000đ (sáu trăm bốn mươi sáu triệu, tám trăm bốn mươi tám nghìn đồng) bà B và ông T chưa thỏa thuận được với nhau nên số tiền này đang được lưu giữ tại Trung tâm phát triển quỹ đất huyện V.

Về nguồn gốc diện tích đất ông bà đã sử dụng trong thời kỳ hôn nhân như sau: Năm 1996, bà B và ông T nhận thừa kế diện tích đất 278m^2 tại thửa đất số 216 từ bố của ông T là ông Nguyễn Văn T1 (ghi tên trong Sổ mục kê là Nguyễn Văn T2), việc nhận thừa kế có Giấy chuyển nhượng thừa kế, trong đó chỉ ghi tên ông T vì thời điểm đó thường ghi tên chồng, không ghi tên vợ, trong giấy chuyển nhượng thừa kế cũng có ghi bà B và ông T cùng phải có nghĩa vụ chăm sóc bố mẹ. Đồng thời năm 1996 bà B và ông T nhận chuyển nhượng diện tích đất 268m^2 tại thửa đất số 215 từ em gái của ông T là bà Nguyễn Thị C1 với giá chuyển nhượng 8.000.000 đồng, việc chuyển nhượng có Biên bản chuyển nhượng đất ở, tiền nhận chuyển nhượng là do bà B và ông T cùng vay Ngân hàng, bà B không ký vào biên bản chuyển nhượng vì nghĩ ông T là chủ hộ, chỉ cần một mình ông T ký. Trong quá trình sử dụng đất, bà B và ông T chuyển nhượng cho vợ chồng ông Đỗ Mạnh T3, bà Đỗ Thị N và vợ chồng ông Đỗ Hùng

D, bà Nguyễn Thị B1 diện tích đất tổng là 256m^2 tại thửa đất số 216, việc chuyển nhượng có lập văn bản chuyển nhượng. Diện tích đất còn lại khoảng 290m^2 tại thửa đất số 215, 216, tờ bản đồ số 02 tại thôn B, xã V, huyện V, thành phố Hải Phòng (đất chưa được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất) do bà B và ông Nguyễn Văn T đang cùng quản lý, sử dụng. Đây là tài sản chung của bà B và ông T. Toàn bộ diện tích đất từ trước đến nay đều chưa được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Trên diện tích đất, bà B và ông T xây dựng 01 nhà hai tầng vào khoảng năm 2013, anh Q đóng góp 70.000.000đ (Bảy mươi triệu đồng) và 01 cây vàng 9999 (thời điểm đó khoảng 4.000.000 đồng) cùng bà B và ông T để xây nhà. Bà B và ông T cùng vợ chồng anh Q, chị C cùng sinh sống tại ngôi nhà hai tầng xây dựng trên diện tích đất trên, trong đó ông T sinh sống ở tầng một, bà B và vợ chồng anh Q, chị C cùng sinh sống ở tầng hai. Ngoài chỗ ở này, bà B không có chỗ ở nào khác.

Nay để đảm bảo quyền, lợi ích hợp pháp của mình, bà B đề nghị Tòa án chia đôi tài sản chung là số tiền đền bù về đất là 646.848.000đ (sáu trăm bốn mươi sáu triệu, tám trăm bốn mươi tám nghìn đồng) và diện tích đất 290m^2 tại thửa đất số 215, 216, tờ bản đồ số 02 tại thôn B, xã V, huyện V, thành phố Hải Phòng (đất chưa được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất) cho bà B và ông T. Bà B đề nghị nhận bằng hiện vật. Về yêu cầu của ông T về chia tài sản trên đất là căn nhà hai tầng, bà B đề nghị Tòa án chia đôi nhà như hiện tại, ông T quản lý sử dụng tầng một, bà B và vợ chồng anh Q, chị C quản lý sử dụng tầng hai, bên nào nhận được phần tài sản nhiều hơn thì phải thanh toán phần chênh lệch cho bên còn lại.

Tại phiên tòa bà Đỗ Thị B rút một phần yêu cầu khởi kiện về diện tích đất bà Đỗ Thị B, ông Nguyễn Văn T chưa xây dựng công trình nhà ở theo kết quả thẩm định, định giá tài sản của Tòa án có diện tích là 239,32m^2, thuộc thửa đất số 215, tờ bản đồ số 02 tại thôn B, xã V, huyện V, thành phố Hải Phòng. Bà B chỉ yêu cầu Tòa án chia số tiền bồi thường đất và diện tích đất bà B, ông T đã xây dựng công trình nhà ở, vật kiến trúc theo kết quả thẩm định, định giá tài sản của Tòa án có diện tích là 117, 98m^2, thuộc thửa đất số 215, tờ bản đồ số 02 tại thôn B, xã V, huyện V, thành phố Hải Phòng. Đối với diện tích tại thửa đất số 216, tờ bản đồ số 02, bà B và ông T đã chuyển nhượng hết cho người khác nên không yêu cầu giải quyết.

Bị đơn – ông Nguyễn Văn T trình bày: Ông T và bà Đỗ Thị B đã ly hôn theo Quyết định công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự số 102/2020/QĐST-HNGĐ ngày 02-6-2020 của Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Bảo. Theo Quyết định, ông T và bà B tự thỏa thuận về tài sản chung.

Về nguồn gốc diện tích đất vợ chồng ông bà đã sử dụng trong thời kỳ hôn nhân: Ngày 30-01-1996, ông T được nhận thừa kế từ bố ông T là cụ Nguyễn

Văn T1 (trong sổ mục kê ghi Nguyễn Văn T2) diện tích đất 278m^2, tại thửa đất số 216, tờ bản đồ số 02, địa chỉ: Thôn B, xã V, huyện V, thành phố Hải Phòng, có Giấy chuyển nhượng thừa kế. Ngày 18-01-1996, ông T nhận chuyển nhượng diện tích đất 268m^2 tại thửa đất số 215, tờ bản đồ số 02, địa chỉ: Thôn B, xã V, huyện V, thành phố Hải Phòng của bà Nguyễn Thị C1 (em gái của ông T), có Biên bản chuyển nhượng đất ở. Ngoài Giấy chuyển nhượng thừa kế, Biên bản chuyển nhượng đất ở ông T đã nộp, ông T không có tài liệu chứng cứ gì khác liên quan đến 2 diện tích đất này. Sau khi nhận chuyển nhượng, ông T sử dụng diện tích đất này một mình. Khoảng năm 2017, ông T chuyển nhượng cho vợ chồng ông Đỗ Mạnh T3, bà Đỗ Thị N và vợ chồng ông Đỗ Hùng D, bà Nguyễn Thị B1 diện tích đất 278m^2 tại thửa đất số 216, tờ bản đồ số 02 với giá 480.000.000 đồng, khi chuyển nhượng có giấy viết tay, nhưng ông T không giữ nên không có để nộp cho Tòa án. Diện tích đất còn lại ông T sử dụng là 268m^2. Năm 2017, ông T dùng tiền chuyển nhượng đất và số gạch ông T làm được để xây dựng ngôi nhà hai tầng như hiện tại, anh Q có đóng góp xây nhà hay không thì ông T không biết. Sau khi xây nhà xong, ông T ở tầng một, bà B và vợ chồng anh Q, chị C ở tầng hai. Ngoài chỗ ở này, ông T không còn chỗ ở nào khác. Năm 2022, ngôi nhà của ông T nằm trong phần thu hồi của Dự án đầu tư xây dựng tuyến đường nối từ cầu L, xã L, huyện V đến đường bộ ven biển tại xã V, huyện V và ông T, bà B được bồi thường về đất và tài sản trên đất. Phần tiền bồi thường về tài sản trên đất ông T và bà B đã nhận và đã tự thỏa thuận với nhau. Nay ông T đề nghị Tòa án không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà B về việc chia số tiền đền bù về đất là 646.848.000đ (sáu trăm bốn mươi sáu triệu, tám trăm bốn mươi tám nghìn đồng) và diện tích đất 290m^2 tại thửa đất số 215, 216, tờ bản đồ số 02 tại thôn B, xã V, huyện V, thành phố Hải Phòng (đất chưa được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất) vì diện tích đất này là tài sản của riêng ông T, không phải tài sản chung của ông T và bà B. Ông T đề nghị Tòa án chấp nhận yêu cầu phản tố của ông T về yêu cầu chia tài sản chung của ông T và bà B là ngôi nhà hai tầng xây dựng trên đất, ông T đề nghị Tòa án chia đôi nhà như hiện tại, ông T quản lý sử dụng tầng một, bà B và vợ chồng anh Q, chị C quản lý sử dụng tầng hai, bà B phải xây dựng cầu thang ra phía ngoài để đi, bà B không được sử dụng cầu thang trong nhà hiện tại, nếu giá trị tầng một ông T được nhận nhiều tiền hơn thì ông T sẽ có trách nhiệm thanh toán phần giá trị chênh lệch cho bà B. Đối với diện tích đất tại thửa đất số 216, tờ bản đồ số 02, ông T và bà B đã chuyển nhượng hết cho người khác nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Tại phiên tòa bà B rút một phần yêu cầu khởi kiện đối với diện tích là 239,32m^2, thuộc thửa đất số 215, tờ bản đồ số 02 tại thôn B, xã V, huyện V, thành phố Hải Phòng, ông T không có ý kiến đề nghị gì về việc rút yêu cầu này. Việc bà B yêu cầu Tòa án chia số tiền bồi thường đất và diện tích đất bà B, ông T đã xây dựng công trình nhà ở, vật kiến trúc theo kết quả thẩm định, định giá tài sản của Tòa

án có diện tích là 117, 98m^2, thuộc thửa đất số 215, tờ bản đồ số 02 tại thôn B, xã V, huyện V, thành phố Hải Phòng, ông T đề nghị Tòa án không chấp nhận yêu cầu.

Người bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của bị đơn – bà Trần Thị T4 trình bày: Thống nhất với lời khai và đề nghị của bị đơn ông Nguyễn Văn T.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan – anh Nguyễn Văn Q, chị Nguyễn Thị C trình bày:

Vợ chồng anh Nguyễn Văn Q, chị Nguyễn Thị C sinh sống cùng bố mẹ là bà B ông T ở ngôi nhà hai tầng xây dựng trên diện tích đất tại thửa đất số 215, 216, tờ bản đồ số 02, địa chỉ: Thôn B, xã V, huyện V, thành phố Hải Phòng từ năm 2013 đến nay. Căn nhà này do ông Nguyễn Văn T, bà Đỗ Thị B xây dựng, anh Q có đóng góp 70.000.000đ (Bảy mươi triệu đồng) và 01 cây vàng 9999 (thời điểm đó khoảng 4.000.000 đồng) để xây nhà. Việc đóng góp không có biên bản giấy tờ gì. Nay anh Q, chị C đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định pháp luật, anh Q không có yêu cầu độc lập.

Trung tâm phát triển quỹ đất huyện V, thành phố Hải Phòng có Công văn số 40/TTPTQĐ-GPMB ngày 04-01-2024, xác nhận thống nhất với bà Đỗ Thị B, ông Nguyễn Văn T về việc Trung tâm phát triển quỹ đất huyện V, thành phố Hải Phòng đang giữ số tiền 646.848.000đ (sáu trăm bốn mươi sáu triệu, tám trăm bốn mươi tám nghìn đồng) tại Kho bạc Nhà nước là tiền bồi thường đất của ông T, bà B vì ông T, bà B đang tranh chấp, chưa thống nhất được với nhau.

Biên bản thẩm định, định giá tài sản ngày 08 tháng 11 năm 2023 xác định diện tích đất bà Đỗ Thị B, ông Nguyễn Văn T đang sử dụng có diện tích 357,3m^2, trong đó diện tích đất xây dựng công trình trên đất là 117,98m^2 trị giá 14.000.000 đồng/m^2, tương đương giá trị bằng 1.651.720.000 đồng, diện tích đất là ao chưa xây dựng công trình trên đất là 239,32m^2 trị giá 7.000.000 đồng/m^2, tương đương giá trị bằng 1.675.240.000 đồng; tài sản, vật kiến trúc trên đất trị giá bằng 592.619.075 đồng.

Quyết định của Tòa án cấp sơ thẩm: Tại Bản án hôn nhân và gia đình sơ thẩm số 37/2024/HNGĐ-ST ngày 24/4/2024 của Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Bảo, thành phố Hải Phòng đã quyết định:

Giao cho ông Nguyễn Văn T được quyền quản lý, sử dụng diện tích đất 117,98m^2, thuộc thửa đất số 215, tờ bản đồ số 02 tại thôn B, xã V, huyện V, thành phố Hải Phòng, gồm các mốc (9-10,10-11,11-12,12-14,14-15,15-6,6-7,7-8,8-9). Trên đất có tài sản là 01 căn nhà 02 tầng; công trình phụ tầng 01 có diện tích bằng 28,52m^2, công trình phụ tầng 02 có diện tích bằng 17,02m^2, tum lán hàng rào phía trước có diện tích 6,9m^2, cổng tường bao, sân gạch men có diện tích 31,42m^2. Giá trị tài sản xác định bằng 2.244.339.075đ (Hai tỷ hai trăm bốn

mươi bốn triệu ba trăm ba mươi chín nghìn không trăm bảy mươi lăm đồng).

- Bà Đỗ Thị B được nhận số tiền 646.848.000đ (sáu trăm bốn mươi sáu triệu, tám trăm bốn mươi tám nghìn đồng) từ Trung tâm phát triển quỹ đất huyện V, thành phố Hải Phòng.

Ông Nguyễn Văn T có nghĩa vụ thanh toán số tiền chênh lệch tài sản cho bà Nguyễn Thị B2 là: 798.745.500đ (Bảy trăm chín mươi tám triệu bảy trăm bốn mươi lăm nghìn năm trăm đồng).

- Đình chỉ yêu cầu chia tài sản là diện tích đất 239,32m^2, thuộc thửa đất số 215, tờ bản đồ số 02 tại thôn B, xã V, huyện V, thành phố Hải Phòng, gồm các mốc (1-2,2-3,3-4,4-5,5-6,6-15,15-14,14-12,12-11,11-10,10-1).

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn quyết định về án phí, quyền kháng cáo của các đương sự.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 08/5/2024, ông Nguyễn Văn T kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm, đề nghị Toà án cấp phúc thẩm xét xử lại theo hướng không chấp nhận yêu cầu khởi kiện.

Tại phiên toà phúc thẩm:

- Nguyên đơn là bà Đỗ Thị B rút một phần yêu cầu khởi kiện về việc phân chia tài sản chung là diện tích đất 117,98m^2 trên đó có công trình xây dựng là ngôi nhà 02 tầng. Đối với tài sản chung là số tiền đền bù khi Nhà nước thu hồi đất là 646.948.000đ, bà đề nghị Tòa án giải quyết theo thỏa thuận giữa bà và ông T, theo đó, bà sở hữu 300.000.000đ trong số tiền đền bù, phần còn lại ông T sở hữu.

- Bị đơn ông Nguyễn Văn T đồng ý với việc rút một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và đề nghị Tòa án chấp nhận sự thỏa thuận của ông và bà B về việc phân chia số tiền đền bù, theo đó, ông sở hữu 346.848.000đ, phần còn lại bà B sở hữu.

Tại phiên tòa, đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Hải Phòng phát biểu quan điểm:

- Về tố tụng: Từ khi thụ lý vụ án cho đến phiên tòa, Thẩm phán, Hội đồng xét xử cấp phúc thẩm, Thư ký đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Các đương sự đã được thực hiện đầy đủ các quyền và nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về nội dung: Tại phiên tòa phúc thẩm, nguyên đơn đã rút một phần yêu cầu khởi kiện về việc phân chia diện tích đất 117,98m^2. Đối với yêu cầu phân chia số tiền Nhà nước đền bù khi thu hồi đất là 646.848.000đ, hai bên đương sự đã thỏa thuận về việc phân chia. Việc rút một phần yêu cầu khởi kiện của

nguyên đơn tại phiên tòa được bị đơn đồng ý, sự thỏa thuận của nguyên đơn và bị đơn về việc phân chia số tiền đền bù là tự nguyện, phù hợp với quy định của pháp luật.

Từ phân tích trên, đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ các Điều 308, 311 của Bộ luật Tố tụng dân sự và Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội: Hủy một phần bản án sơ thẩm số 37/2024/HNGĐ-ST ngày 24/4/2024 của Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Bảo, đình chỉ giải quyết đối với yêu cầu chia tài sản chung là nhà và quyền sử dụng đất tại thửa số 215, tờ bản đồ số 02, địa chỉ tại thôn B, xã V, huyện V, diện tích 117,98m^2; ghi nhận sự thỏa thuận của ông T, bà B về việc phân chia số tiền bồi thường quyền sử dụng đất, ông T nhận 346.848.000đ, bà B nhận 300.000.000đ.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

- Về tố tụng:

[1] Về thời hạn và thủ tục kháng cáo: Bị đơn ông Nguyễn Văn T có mặt tại phiên tòa sơ thẩm ngày 24/4/2024. Ngày 08/5/2024, Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Bảo nhận được đơn kháng cáo do ông T nộp trực tiếp tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Bảo. Đơn kháng cáo của ông T đảm báo đúng quy định tại các Điều 272, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự nên được chấp nhận xem xét theo thủ tục phúc thẩm.

[2] Về việc nguyên đơn rút một phần yêu cầu khởi kiện: Tại phiên tòa, nguyên đơn là bà Đỗ Thị B rút một phần yêu cầu khởi kiện đối với yêu cầu phân chia tài sản chung là ngôi nhà 02 tầng trên diện tích đất 117,98m^2 thuộc thửa đất số 215, tờ bản đồ số 02, địa chỉ tại thôn B xã V, huyện V, thành phố Hải Phòng. Việc rút một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn tại phiên tòa phúc thẩm là tự nguyện, bị đơn cũng đồng ý với việc rút yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Do vậy, căn cứ điểm b khoản 1 Điều 299 của Bộ luật Tố tụng dân sự, chấp nhận việc rút một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

[3] Về phạm vi xét xử phúc thẩm: Theo nội dung đơn kháng cáo, người kháng cáo là ông Nguyễn Văn T kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm, nhưng lý do của việc kháng cáo là không đồng ý phán quyết của Tòa án cấp sơ thẩm khi xác định bà B có quyền lợi đối với số tiền bồi thường 646.848.000 đồng và phần đất có công trình mà ông T đang sử dụng. Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa phúc thẩm, ông T chỉ yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm xem xét số tiền đền bù khi thu hồi đất là 646.848.000đ và tài sản chung là ngôi nhà 02 tầng và

diện tích đất 117,98m^2, các quyết định còn lại của Bản án sơ thẩm ông T không có ý kiến. Do đó, căn cứ Điều 293 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử chỉ xem xét nội dung bản án sơ thẩm liên quan đến số tiền đền bù khi thu hồi đất là 646.848.000đ và tài sản chung là ngôi nhà 02 tầng và diện tích đất 117,98m^2. Tuy nhiên, tại phiên tòa phúc thẩm, nguyên đơn đã rút một phần yêu cầu khởi kiện liên quan đến yêu cầu chia tài sản chung là ngôi nhà 02 tầng và diện tích đất 117,98m^2 và được bị đơn chấp nhận. Do vậy, tại phiên tòa phúc thẩm, Hội đồng xét xử chỉ xem xét kháng cáo đối với phần yêu cầu khởi kiện mà nguyên đơn vẫn giữ yêu cầu là số tiền đền bù khi thu hồi đất 646.848.000đ.

- Về nội dung:

[4] Về số tiền đền bù khi thu hồi đất là 646.848.000đ: Tại phiên tòa, ông Nguyễn Văn T và bà Đỗ Thị B thỏa thuận về việc phân chia số tiền trên. Theo thỏa thuận, ông Nguyễn Văn T sở hữu 346.848.000đ, bà Đỗ Thị B sở hữu 300.000.000đ. Xét, thỏa thuận của ông T và bà B tại phiên tòa là tự nguyện, không vi phạm điều cấm của pháp luật, không trái đạo đức xã hội và không ảnh hưởng đến quyền, lợi ích hợp pháp của các đương sự khác tham gia tố tụng trong vụ án. Do vậy, Hội đồng xét xử công nhận sự thỏa thuận của ông T và bà B.

[5] Đối với yêu cầu phân chia tài sản chung là ngôi nhà 02 tầng và diện tích đất 117,98m^2 thuộc thửa đất số 215, tờ bản đồ số 02 tại thôn B, xã V, huyện V, thành phố Hải Phòng, nguyên đã rút yêu cầu khởi kiện nên đình chỉ giải quyết đối với yêu cầu này của bà Đỗ Thị B và hủy phần Bản án sơ thẩm đã giải quyết phân chia đối với tài sản này.

[6] Từ những nhận định trên, hủy một phần Bản án Hôn nhân và gia đình sơ thẩm số 37/2024/HNGĐ-ST ngày 24 tháng 4 năm 2024 của Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Bảo, thành phố Hải Phòng. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự tại phiên tòa phúc thẩm.

[7] Về án phí:

[7.1] Về án phí hôn nhân và gia đình phúc thẩm: Các đương sự thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án tại phiên tòa phúc thẩm nên người kháng cáo ông Nguyễn Văn T phải chịu toàn bộ án phí phúc thẩm. Tuy nhiên, ông T đã trên 60 tuổi và có đơn xin miễn nộp án phí, nên miễn án phí dân sự phúc thẩm đối với đương sự.

[7.2] Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Các đương sự thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án tại phiên tòa phúc thẩm nên các đương sự phải chịu án phí sơ thẩm theo nội dung thỏa thuận về việc giải quyết vụ án tại phiên tòa phúc thẩm. Tuy nhiên, bà B và ông T đều đã trên 60 tuổi và có đơn xin miễn nộp án phí, nên miễn án phí dân sự phúc thẩm đối với các đương sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào điểm b khoản 1 Điều 299, Điều 300, khoản 4 Điều 308, Điều 311, 313 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào điểm đ khoản 1 Điều 12, khoản 6 Điều 15, khoản 7 Điều 27, khoản 6 Điều 29 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Đình chỉ giải quyết yêu cầu phân chia tài sản chung là ngôi nhà 02 tầng và diện tích đất 117,98m^2 thuộc thửa đất số 215, tờ bản đồ số 02, địa chỉ tại thôn B, xã V, huyện V, thành phố Hải Phòng. Hủy một phần Bản án hôn nhân và gia đình sơ thẩm số 37/2024/HNGĐ-ST ngày 24 tháng 4 năm 2024 của Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Bảo, thành phố Hải Phòng về việc phân chia tài sản chung là ngôi nhà 02 tầng và diện tích đất 117,98m^2 thuộc thửa đất số 215, tờ bản đồ số 02, địa chỉ tại Thôn B, xã V, huyện V, thành phố Hải Phòng.

2. Công nhận sự thỏa thuận giữa bà Đỗ Thị B và ông Nguyễn Văn T đối với số tiền bồi thường khi thu hồi đất là 646.848.000 đồng: Ông Nguyễn Văn B3 được sở hữu 346.848.000 đồng (ba trăm bốn mươi sáu triệu, tám trăm bốn mươi tám nghìn đồng); bà Đỗ Thị B được sở hữu 300.000.000 đồng (ba trăm triệu đồng).

3. Trung tâm phát triển quỹ đất huyện V có trách nhiệm: Chi trả cho ông Nguyễn Văn T số tiền 346.848.000 đồng (ba trăm bốn mươi sáu triệu, tám trăm bốn mươi tám nghìn đồng) trong số tiền 646.848.000 đồng hiện Trung tâm phát triển quỹ đất huyện V đang giữ; chi trả cho bà Đỗ Thị B số tiền 300.000.000 đồng (ba trăm triệu đồng) trong số tiền 646.848.000 đồng hiện Trung tâm phát triển quỹ đất huyện V đang giữ.

4. Về án phí hôn nhân gia đình phúc thẩm: Ông Nguyễn Văn T được miễn nộp tiền án phí hôn nhân và gia đình phúc thẩm.

5. Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Ông Nguyễn Văn T và bà Đỗ Thị B được miễn nộp tiền án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

6. Các quyết định khác của Bản án hôn nhân gia đình sơ thẩm số 37/2024/HNGĐ-ST ngày 24 tháng 4 năm 2024 của Toà án nhân dân huyện Vĩnh Bảo, thành phố Hải Phòng không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi

hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ **THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Bùi Duy Thạch **Bùi Thị Thúy Hà** **Nguyễn Xuân Tuyến**

Nơi nhận:
- VKSND TP Hải Phòng;
- TAND huyện Vĩnh Bảo;
- Chi cục THADS huyện Vĩnh Bảo;
- Các đương sự;
- Lưu VT, hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Nguyễn Xuân Tuyến